|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**––-– |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  | --------------------------------------------------- |
| Số: /2020/TT-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế**

-------------------------------

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế.*

**Điều 1. Mức thu phí**

1. Người nộp phí theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 278/2016/TT-BTC khi đề nghị thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm, cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do, cấp phép nhập khẩu hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; đề nghị công bố đủ điều kiện sản xuất, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, cung cấp dịch vụ diệt công trùng, diệt khuẩn thực hiện nộp phí theo quy định tại Điểm 1, 2, 4, 5 và Điểm 6 Phần I Thông tư số 278/2016/TT-BTC.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định xác nhận nội dung quảng cáo hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thực hiện nộp phí theo quy định tại Điểm 3 Phần I Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm 2 Phần II Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên phí** | **Đơn vị****tính** | **Mức thu**(1.000 động) |
| 2 | Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế (Trừ trường hợp nhập khẩu trang thiết bị y tế để nghiên cứu khoa học hoặc kiểm định gắn với mục đích viện trợ, viện trợ nhân đạo, khám chữa bệnh) | Hồ sơ | 2.000 |

4. Các nội dung khác liên quan đến mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 278/2016/TT-BTC và Thông tư số 11/2020/TT-BTC.

**Điều 2**. **Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Mức thu phí quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này thực hiện kể từ ngày......tháng.......năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong thời gian này, không thực hiện mức thu phí quy định tại Điểm 1, 2, 4, 5 và Điểm 6 Phần I Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, thực hiện theo quy định tại Điểm 1, 2, 4, 5 và Điểm 6 Phần I Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, CST (CST5). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Vũ Thị Mai** |